

# HỒ SƠ MỜI THẦU

**Số hiệu gói thầu và số E-TBMT:** \_\_\_\_\_

**Tên gói thầu:**

Thuê đơn vị độc lập thực hiện dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) các hệ thống public internet của VCB

**Dự án/dự toán mua sắm:**

Thuê đơn vị độc lập thực hiện dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) các hệ thống public internet của VCB

**Phát hành ngày:**

**/12/2025**

**Ban hành kèm theo Quyết định:**

**2820/QĐ-VCB-MSQLTS**

## MỤC LỤC

**Mô tả tóm tắt**

**Từ ngữ viết tắt**

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**

**Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

### **Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

**Chương V. Điều khoản tham chiếu**

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### **Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU**

#### **Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng.

#### **Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### **Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT**

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

#### **Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mời thầu, biểu mẫu dự thầu mà chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

### **Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

#### **Chương V. Điều khoản tham chiếu**

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư.

### **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

## **Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này bao gồm điều khoản chung, áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn qua mạng.

## **Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không thay thế được Điều kiện chung của Hợp đồng.

## **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

|   |  |
|---|--|
| <b>1. Phạm vi gói thầu</b>                          | 1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.<br>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại <b>E-BDL</b> .  |
| <b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b> | 2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSĐT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.<br>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.<br>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).<br>2.4. Luật đấu thầu:<br>Luật đấu thầu số 22/2023/QH15;<br>Luật số 57/2024/QH15;<br>Luật số 90/2025/QH15. |
| <b>3. Nguồn vốn</b>                                 | Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b> .   |
| <b>4. Hành vi bị cấm</b>                            | 4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.<br>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức.<br>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:<br>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSĐT hoặc rút E-HSĐT để một bên trúng thầu;<br>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc  |

thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;

c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Chủ đầu tư yêu cầu làm rõ E-HSDT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.

4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:

a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;

b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Cản trở Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;

c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;

d) Có tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;

đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMT đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá E-HSDT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Cá nhân thuộc Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu

tư đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;

g) Nêu điều kiện trong E-HSMT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 44 và khoản 1 Điều 56 của Luật Đấu thầu.

4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82 của Luật đấu thầu, bao gồm:

a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung E-HSDT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT; báo cáo của Chủ đầu tư, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi được công khai theo quy định;

c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

|  |  |
|--|--|
|  | <p>b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSMT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận;</p> <p>c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.</p>   |
| <p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p> | <p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d Mục 5.1 E-CDNT.</p> |
| <p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>         | <p>6.1. E-HSMT bao gồm: E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <p>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</p>   |

|   |  |
|---|--|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Điều khoản tham chiếu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Điều khoản tham chiếu.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSMT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p> |
| <p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b></p> | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 10 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSMT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm</p>  |

|                                  |   |
|----------------------------------|---|
|                                  | <p>rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được Chủ đầu tư ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.5. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.6. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu, thời gian thương thảo hợp đồng và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.7. Đối với các gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ, thời gian sửa đổi E-HSMT thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> |
| <p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p> | <p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>  |

|  |  |
|--|--|
| <b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b>                        | E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).   |
| <b>10. Thành phần của E-HSDT</b>                     | E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:<br>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:<br>- Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT được quy định tại Mục 11 E-CDNT;<br>- Thỏa thuận liên danh được theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh);<br>- Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV;<br>10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây:<br>- Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC được quy định tại Mục 11 E-CDNT;<br>- Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT.<br>10.3. Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b> . |
| <b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>              | Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.  |
| <b>12. Giá dự thầu và giảm giá</b>                   | Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 15 Chương IV vào đơn dự thầu.<br><br>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.   |
| <b>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b> | Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.  |

|   |  |
|---|--|
| <p><b>14. Đề xuất kỹ thuật</b></p>                | <p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian, trường hợp E-HSMT có yêu cầu, nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn thời gian quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p> |
| <p><b>15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b></p> | <p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>   |
| <p><b>16. Thời điểm đóng thầu</b></p>             | <p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>  |
| <p><b>17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</b></p>      | <p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến</p>   |

|                               |   |
|-------------------------------|---|
|                               | <p>hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Khi rút E-HSDT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới để phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p> |
| <p><b>18. Mở E-HSĐXKT</b></p> | <p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> </ul>   |

|                                     |  |
|-------------------------------------|--|
|                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>  |
| <p><b>19. Đánh giá E-HSĐXKT</b></p> | <p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>E-BDL</b> để đánh giá E-HSĐXKT.</p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E- HSĐXKT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu đối với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư cách hợp lệ của nhà thầu;</li> <li>+ Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá về trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống của Nhà thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> </ul> <p>- Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSĐT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSĐT.</p> |

- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III:

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSDT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.

- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.

- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai theo mẫu tại E-HSDT và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSDT chào thầu hoặc thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSDXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSDXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.

- Nhà thầu có E-HSDXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSDXTC để đánh giá.

- Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.

19.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSDXKT:

Đối với các nội dung bao gồm: tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT thì Tổ chuyên gia sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận.

|  |   |
|--|---|
| <p><b>20. Mở E-HSDXTC</b></p>                            | <p>20.1. E-HSDXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống.</p> <p>20.2. Biên bản mở E-HSDXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSDXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSDXTC;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul> |
| <p><b>21. Đánh giá E-HSDXTC và xếp hạng nhà thầu</b></p> | <p>21.1. Đánh giá E-HSDXTC theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Tổ chuyên gia lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.</p>   |

|                                 |   |
|---------------------------------|---|
|                                 | <p>Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>21.3. Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin trên webform là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p>  |
| <p><b>22. Bảo mật</b></p>       | <p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên Tổ chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>  |
| <p><b>23. Làm rõ E-HSĐT</b></p> | <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSĐT của</p> |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.6. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.7. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>                                 |
| <p><b>24. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch</b></p> | <p>Quy định tại Điều 31 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP</p>   |
| <p><b>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p> | <p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý theo thứ tự ưu tiên như sau cho đến khi lựa chọn được nhà thầu trúng thầu:</p> <p>a) Trao thầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (nếu có);</p> <p>b) Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn; trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi (nếu có), hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>c) Trao thầu cho nhà thầu có trụ sở chính ở địa phương nơi triển khai gói thầu;</p> <p>d) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>đ) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động</p> |

|                                |   |
|--------------------------------|---|
|                                | <p>với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>e) Trao thầu cho nhà thầu có sử dụng số lượng lao động là nữ giới có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực nhiều hơn;</p> <p>g) Cho phép các nhà thầu này chào lại giá dự thầu để lựa chọn nhà thầu có giá chào thấp nhất. Nhà thầu không được chào giá cao hơn giá nhà thầu đã chào sau sửa lỗi (nếu có), hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Việc chào lại giá dự thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;</p> <p>25.2. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi nêu tại Mục 25.1 E-CDNT, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>   |
| <p><b>26. Nhà thầu phụ</b></p> | <p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định E-HSMQT, E-HSMT; đánh giá E-HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phân công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu</p>   |
| <p><b>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</b></p> | <p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm, nhân sự cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc</li> <li>- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.</li> </ul> <p>27.3. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp</p> |

đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.

Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.

27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;
- b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).

27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Mô tả dịch vụ” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng;
- b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự;
- c) Tiến độ;
- d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có);
- đ) Bố trí điều kiện làm việc;
- e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;

|  |   |
|--|---|
|  | <p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống hoặc hòm thư điện tử của Nhà thầu. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> |
| <p><b>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p> | <p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p>   |

|  |   |
|--|---|
|  | 28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b> .   |
| <b>29. Hủy thầu</b>                            | <p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi mua sắm đối với dự toán mua sắm do sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước và các trường hợp bất khả kháng khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c và d Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> |
| <b>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b> | <p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> </ul>   |

|  |   |
|--|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> <li>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật;</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> </li> <li>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</li> </ul> <p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> |
| <p><b>31. Tùy chọn mua thêm</b></p>              | <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư với nhà thầu thỏa thuận mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>E-BDL</b> và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 của Luật Đấu thầu. Phần công việc mua bổ sung phải tương tự với phân công việc nêu trong hợp đồng đã ký và đã có đơn giá. Khối lượng dịch vụ bổ sung này không được sử dụng để đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với nhà thầu liên danh, việc phân chia trách nhiệm thực hiện khối lượng bổ sung theo tùy chọn mua thêm thực hiện theo tỷ lệ phân chia công việc theo hợp đồng đã ký, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</p>   |
| <p><b>32. Thông báo chấp thuận E-HSDT và</b></p> | <p>Sau khi đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu</p>  |

|  |   |
|--|---|
| <b>trao hợp đồng</b>                           | số 17 Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.  |
| <b>33. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</b>       | <p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>33.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Dự thảo hợp đồng;</li> <li>b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu (nếu có);</li> <li>c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt;</li> <li>d) Biên bản thương thảo hợp đồng;</li> <li>đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);</li> <li>e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</li> </ul> <p>33.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn quy định tại <b>E-BDL</b>, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định huỷ kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>33.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để các Chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>33.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> |
| <b>34. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b> | Việc giải quyết kiến nghị thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b> .  |

|  |  |
|--|--|
|  |  |
|--|--|

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

|                       |   |
|-----------------------|---|
| <b>E-CDNT 1.1</b>     | Tên Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.   |
| <b>E-CDNT 1.2</b>     | Tên gói thầu: Thuê đơn vị độc lập thực hiện dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) các hệ thống public internet của VCB.<br>Tên dự án/dự toán mua sắm: Thuê đơn vị độc lập thực hiện dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) các hệ thống public internet của VCB.   |
| <b>E-CDNT 3</b>       | Nguồn vốn: Chi phí hoạt động kinh doanh của VCB.  |
| <b>E-CDNT 5.1 (c)</b> | <p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:<br/>Chủ đầu tư: <b>NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.</b><br/>Địa chỉ chủ đầu tư: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội</li> <li>+ Trường hợp nhà thầu, chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước.</li> <li>+ Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý.</li> <li>+ Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư.</li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:</li> </ul> |

|                    |  |
|--------------------|--|
|                    | <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)<sup>1</sup>.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Là số thành viên tham gia trong liên danh.</p> |
| <b>E-CDNT 7.3</b>  | Hội nghị tiền đấu thầu: không  |
| <b>E-CDNT 7.7</b>  | Thời gian sửa đổi E-HSMT đối với gói thầu tư vấn đơn giản hoặc gói thầu tư vấn cấp bách cần thực hiện ngay do yêu cầu về tiến độ là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.  |
| <b>E-CDNT 8</b>    | Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của pháp luật  |
| <b>E-CDNT 10.3</b> | Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Quy định tại Chương III của E-HSMT   |
| <b>E-CDNT 12.2</b> | Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: Không áp dụng  |

<sup>1</sup> Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

|                    |   |
|--------------------|---|
| <b>E-CDNT 14.3</b> | Đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt: Không áp dụng  |
| <b>E-CDNT 15.1</b> | Thời hạn hiệu lực của E-HSDT: $\geq 180$ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.   |
| <b>E-CDNT 19.1</b> | Phương pháp đánh giá E-HSDT là: phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá  |
| <b>E-CDNT 21.2</b> | Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất   |
| <b>E-CDNT 26.3</b> | Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0 giá dự thầu của nhà thầu  |
| <b>E-CDNT 28.4</b> | Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: bao gồm chi phí dự phòng cho các yếu tố rủi ro về khối lượng công việc và trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng tương ứng với trách nhiệm quản lý rủi ro giao cho nhà thầu; trường hợp gói thầu tư vấn đơn giản, thời gian thực hiện gói thầu ngắn, không phát sinh rủi ro, trượt giá thì chi phí cho các yếu tố rủi ro và chi phí trượt giá được tính bằng 0 (đồng).   |
| <b>E-CDNT 31</b>   | Tùy chọn mua thêm: không áp dụng  |
| <b>E-CDNT 33.2</b> | Các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu.  |
| <b>E-CDNT 34</b>   | <p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị theo quy trình sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Việc giải quyết kiến nghị về các vấn đề trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy trình sau đây:<br/>Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu trên Hệ thống trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức.</li> <li>Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy trình sau đây:<br/>Nhà thầu gửi đơn kiến nghị trên Hệ thống trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà</li> </ol> |

|  |  |
|--|--|
|  | thầu được đăng tải trên Hệ thống. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, Chủ Đầu tư sẽ có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu. |
|--|--|

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (*Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022*);

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

6. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật quản lý ngành và lĩnh vực (nếu có).

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết (nếu cần thiết) của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn

về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào phạm vi công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.  
Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

**Bảng số 01**

| STT      | Tiêu chuẩn tối thiểu  | Mức điểm tối đa | Thang điểm chi tiết   | Mức điểm yêu cầu tối thiểu |
|----------|---|-----------------|---|----------------------------|
| <b>1</b> | <b>Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu</b>   | <b>50</b>       |   | <b>0</b>                   |
| 1.1      | Nhà thầu đã thực hiện đã thực hiện hợp đồng có tính chất tương tự tại Việt Nam trong 03 năm gần đây tính đến thời điểm đóng thầu (tính theo năm). Trong đó, hợp đồng tương tự là hợp đồng hợp đồng thực hiện dịch vụ đánh giá kiểm thử an ninh/an toàn thông tin và/hoặc kiểm thử xâm nhập ứng dụng/hệ thống và/hoặc dịch vụ Pentest ứng dụng/hệ thống cho tổ chức tài chính, ngân hàng tại Việt Nam.<br><i>Tài liệu chứng minh:</i> Nhà thầu cung cấp bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc được cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) văn bản Hợp đồng và một trong số các giấy tờ sau: Biên bản nghiệm thu và/hoặc Thanh lý hợp đồng, văn bản xác nhận hoàn thành công việc của chủ đầu tư, Hóa đơn thanh toán (Xuất trình bản gốc khi được yêu cầu). | 30              | - Có từ 03 hợp đồng trở lên: 30 điểm;<br>- Có từ 01 đến 02 hợp đồng: 15 điểm;<br>- Không có hợp đồng nào: 0 điểm. | 0                          |
| 1.2      | Số năm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ an toàn thông tin hoặc tư vấn quản lý rủi ro CNTT tính đến thời điểm đóng thầu<br><i>Tài liệu chứng minh:</i><br>(i) Bản sao (được công chứng, chứng thực, cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) đối với văn bản pháp lý cập nhật tính đến thời điểm dự thầu.   | 20              | - Từ 05 năm hoạt động trở lên: 20 điểm;<br>- Từ 02 năm đến dưới 05 năm: 10 điểm;<br>- Ít hơn 02 năm: 0 điểm.      | 0                          |

|          |  |            |   |            |
|----------|--|------------|---|------------|
|          | (ii) Bản chụp đối với các văn bản pháp lý tương ứng trước đây để chứng minh nhà thầu có đủ số năm kinh nghiệm theo yêu cầu của E-HSMT.   |            |   |            |
| <b>2</b> | <b>Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu:</b>   | <b>50</b>  |   | <b>0</b>   |
| 2.1      | Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Đáp ứng đúng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP<br><i>Tài liệu chứng minh:</i> Cam kết nhà thầu                     | 50         | - Nhà thầu có bản cam kết và không vi phạm theo quy định: 50 điểm;<br><br>- Nhà thầu vi phạm một trong các nội dung tại quy định hoặc không có bản cam kết không vi phạm: 0 điểm. | 0          |
| <b>3</b> | <b>Giải pháp và phương pháp luận</b><br><i>Tài liệu chứng minh:</i> Hồ sơ đề xuất nhà thầu về giải pháp và phương pháp luận  | <b>360</b> |   | <b>310</b> |
| 3.1      | <b>Hiểu rõ mục đích gói thầu:</b> Hiểu rõ mục đích của gói thầu và trình bày đầy đủ và chi tiết về quy mô, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật của gói thầu quy định tại E-HSMT.   | 50         | - Đáp ứng yêu cầu: 50 điểm;<br>- Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm  | 50         |
| 3.2      | <b>Cách tiếp cận và phương pháp luận:</b><br>- Đề xuất kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu về phạm vi của dịch vụ tư vấn trong Điều khoản tham chiếu.<br>- Đề xuất kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu về sản phẩm bàn giao trong Điều khoản tham chiếu. | 70         | - Đáp ứng yêu cầu và đáp ứng yêu cầu vượt trội "Có tham khảo và áp dụng các nội dung theo tiêu chuẩn quốc tế (có nêu tên tiêu chuẩn)": 70 điểm;                                   | 60         |

|     |  |    |  |    |
|-----|--|----|--|----|
|     | - Đề xuất mô tả phương pháp luận và phương pháp tiếp cận phù hợp với VCB.  |    | - Đáp ứng yêu cầu tuy nhiên không đáp ứng yêu cầu vượt trội: Có tham khảo và áp dụng các nội dung theo tiêu chuẩn quốc tế (hoặc không tên tiêu chuẩn): 60 điểm;<br>- Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm.  |    |
| 3.3 | <b>Cách trình bày:</b> Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách hoàn chỉnh và logic                  | 50 | - Đáp ứng yêu cầu: 50 điểm;<br>- Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm   | 50 |
| 3.4 | <b>Sáng kiến cải tiến:</b> Có đề xuất các sáng kiến cải tiến để thực hiện tốt hơn các công việc nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện dự án | 60 | - Đáp ứng yêu cầu và đáp ứng yêu cầu vượt trội "Đề xuất các sáng kiến cải tiến để mang lại hiệu quả vượt trội như: giúp VCB tiết kiệm nhân lực/tài chính tối thiểu 10% so với toàn bộ gói thầu": 60 điểm;<br>- Đáp ứng yêu cầu tuy nhiên không đáp ứng yêu cầu vượt trội: "Đề xuất các sáng kiến cải tiến để mang lại hiệu quả vượt trội như: giúp VCB tiết kiệm nhân lực/tài chính tối thiểu 10% so với toàn bộ gói thầu": 40 điểm;<br>- Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 40 |

|     |   |     |  |     |
|-----|---|-----|--|-----|
| 3.5 | <b>Kế hoạch triển khai:</b> Có kế hoạch triển khai và/hoặc có bảng tiến độ thực hiện đáp ứng về mặt tiến độ theo yêu cầu của gói thầu, xác định được các nhiệm vụ, dự kiến thời gian hoàn thành các nhiệm vụ, tiến độ triển khai hợp đồng   | 50  | - Đáp ứng yêu cầu: 50 điểm;<br>- Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm   | 50  |
| 3.6 | <b>Bố trí nhân sự:</b> Mô tả rõ ràng, cụ thể, khoa học việc bố trí nhân sự cho dự án  | 80  | - Đáp ứng yêu cầu và đáp ứng yêu cầu vượt trội "Nhà thầu có bảng phân công công việc cụ thể kèm manday dự kiến cho từng nhân sự theo timeline triển khai dự án.": 80 điểm;<br>- Đáp ứng yêu cầu tuy nhiên không đáp ứng yêu cầu vượt trội: "Nhà thầu có bảng phân công công việc cụ thể kèm manday dự kiến cho từng nhân sự theo timeline triển khai dự án.": 60 điểm;<br>- Không đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 60  |
| 4   | <b>Nhân sự chủ chốt</b><br>Lưu ý:<br>- Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Trường hợp nhà thầu huy động/thuê lao động (nhân sự chủ chốt) thì phải có văn bản cam kết của nhà thầu về việc đảm bảo nhân sự để thực hiện gói thầu và chuẩn bị các tài liệu liên quan để đối chiếu khi thương thảo hợp đồng (hợp đồng/thỏa thuận nguyên tắc về việc huy động/thuê, sử dụng lao động hoặc tài liệu khác liên quan đến việc thuê, sử dụng lao động). | 540 |  | 470 |

|            |   |                 |  |            |
|------------|---|-----------------|--|------------|
|            | - Trường hợp nhân sự chủ chốt là người nước ngoài: Không yêu cầu nhân sự chủ chốt phải cung cấp tài liệu chứng minh kinh nghiệm (nếu cần). Nhà thầu/nhân sự chủ chốt chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai về năng lực, kinh nghiệm trong HSDT   |                 |  |            |
|            | <b>Vị trí</b>   | <b>Số lượng</b> |  |            |
| <b>4.1</b> | <b>Nhân sự đánh giá chính (level 1)</b>   | <b>06</b>       | <b>420</b>   | <b>380</b> |
| 4.1.1      | Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành gần về Công nghệ thông tin/An toàn thông tin<br><u>Tài liệu chứng minh:</u><br>Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau:<br>(i) Bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự;<br>(ii) hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận sử dụng nhân sự. | 80              | - Cả 6 nhân sự đều tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành gần về Công nghệ thông tin/An toàn thông tin, trong đó có ít nhất 02 nhân sự tốt nghiệp trên Đại học cùng chuyên ngành: 80 điểm;<br>- Cả 6 nhân sự đều tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành gần về Công nghệ thông tin/An toàn thông tin, trong đó có ít hơn 02 nhân sự tốt nghiệp trên Đại học cùng chuyên ngành: 70 điểm;<br>- Có ít hơn 06 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm. | 70         |
| 4.1.2      | <b>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin/an toàn thông tin</b><br>Tài liệu chứng minh:  | 80              | - Cả 6 nhân sự đều trên 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin/an   | 70         |

|       |  |    |  |    |
|-------|--|----|--|----|
|       | <p>Nhà thầu cung cấp một trong các tài liệu sau:</p> <p>(i) Bảng kê khai lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: Vị trí công việc; Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực yêu cầu</p> <p>(ii) Bản sao công chứng, chứng thực, cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định pháp luật: Hợp đồng/xác nhận của đối tác/ tài liệu khác về hợp đồng đã thực hiện có sự tham gia của nhân sự chủ chốt;</p> <p>(iii) Hợp đồng lao động (để chứng minh cho số năm kinh nghiệm);</p> <p>(iv) Các tài liệu khác tương tự (nếu có).</p>  |    | <p>toàn thông tin, trong đó có ít nhất 02 nhân sự có trên 10 năm kinh nghiệm: 80 điểm;</p> <p>- Cả 6 nhân sự đều trên 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin/an toàn thông tin, trong đó có ít hơn 02 nhân sự có trên 10 năm kinh nghiệm: 70 điểm;</p> <p>- Có ít hơn 06 nhân sự trên 05 năm kinh nghiệm: 0 điểm</p>    |    |
| 4.1.3 | <p><b>Kinh nghiệm tham gia dự án:</b> Hợp đồng tương tự là hợp đồng thực hiện dịch vụ đánh giá kiểm thử an ninh/an toàn thông tin và/hoặc kiểm thử xâm nhập ứng dụng/hệ thống và/hoặc dịch vụ Pentest ứng dụng/hệ thống cho tổ chức tài chính, ngân hàng tại Việt Nam.</p> <p>Tài liệu chứng minh:</p> <p>Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau:</p> <p>+ Bảng kê khai lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: (i) Vị trí công việc; (ii) Tổng số năm kinh nghiệm làm việc; (iii) Tổng số hợp đồng/dự án thực hiện dịch vụ đánh giá kiểm thử an ninh/an toàn thông tin và/hoặc kiểm thử xâm nhập ứng dụng/hệ thống và/hoặc dịch vụ Pentest ứng dụng/hệ thống cho tổ chức tài chính, ngân hàng tại Việt Nam,</p> <p>+ Bản sao được công chứng, chứng thực của văn bản Hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng/ dự án đã hoàn thành có sự tham gia của nhân sự chủ chốt</p> | 80 | <p>- Cả 6 nhân sự đều có tối thiểu 02 hợp đồng tương tự, trong đó có ít nhất 02 nhân sự có từ 03 hợp đồng trở lên: 80 điểm;</p> <p>- Cả 6 nhân sự đều có tối thiểu 02 hợp đồng tương tự, trong đó có ít hơn 02 nhân sự có từ 03 hợp đồng trở lên: 70 điểm;</p> <p>- Có ít hơn 06 nhân sự có tối thiểu 02 hợp đồng tương tự: 0 điểm</p> | 70 |
| 4.1.4 | <p><b>Có tối thiểu 01 trong các chứng chỉ sau: OSWE, OSED, OSEP, GPEN, GWAPT, GMOB, GXPN, HTB CPTS, HTB CWES, HTB CWEE.</b></p>  | 70 | <p>- Cả 6 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 70 điểm;</p>  | 70 |

|            |   |          |            |  |           |
|------------|---|----------|------------|--|-----------|
|            | <u>Tài liệu chứng minh:</u><br>Nhà thầu cung cấp một trong các tài liệu sau:<br>(i) Bản sao chứng chỉ của hãng<br>(ii) Đường dẫn (link) chứng chỉ của hãng có tên nhân sự   |          |            | - Có ít hơn 6 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm  |           |
| 4.1.5      | <b>Nhân sự tìm ra lỗ hổng bảo mật (Zero-day/CVE) của một trong các hãng công nghệ lớn gồm: Microsoft, Google, Facebook (Meta), IBM, Cisco, Oracle, Apple, Amazon, Visa, Mastercard.</b><br><u>Tài liệu chứng minh:</u> Bản sao chứng nhận hoặc Đường dẫn (link) chứng nhận đã tìm ra lỗ hổng bảo mật của hãng có tên nhân sự hoặc tài liệu tương đương khác | 70       |            | - Có ít nhất 03 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 70 điểm;<br>- Có 02 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 60 điểm;<br>- Có ít hơn 02 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm   | 60        |
| 4.1.6      | Nhân sự có thể làm việc trực tiếp tại trụ sở của VCB (onsite) hoặc làm việc offsite. Mỗi nhân sự phải thực hiện onsite tại trụ sở VCB tối thiểu 10% tổng số manday (ngày công) của nhân sự đó   | 20       |            | - Cả 6 nhân sự đều đáp ứng yêu cầu: 20 điểm<br>- Có ít hơn 6 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm   | 20        |
| 4.1.7      | Thời gian cam kết làm việc (onsite và offsite) của các nhân sự đánh giá chính (level 2) (01 ngày công tương đương với 8 giờ làm việc).  | 20       |            | - Tổng thời gian cam kết làm việc (onsite và offsite) của các nhân sự đánh giá chính từ 1.246 ngày trở lên : 20 điểm<br>- Tổng thời gian cam kết làm việc (onsite và offsite) của các nhân sự đánh giá chính dưới 1.246 ngày: 0 điểm | 20        |
| <b>4.2</b> | <b>Nhân sự hỗ trợ (level 2)</b>   | <b>2</b> | <b>120</b> |  | <b>90</b> |

|       |   |    |  |    |
|-------|---|----|--|----|
| 4.2.1 | <p><b>Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành gần về Công nghệ thông tin</b><br/> <u>Tài liệu chứng minh:</u><br/> Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau:<br/> (i) Bản sao (được công chứng, chứng thực hoặc cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định) của bằng cấp nhân sự;<br/> (ii) Hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận sử dụng nhân sự</p>  | 30 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả 2 nhân sự đều tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành gần về Công nghệ thông tin, trong đó có ít nhất 01 nhân sự tốt nghiệp trên Đại học cùng chuyên ngành: 30 điểm;</li> <li>- Cả 2 nhân sự đều tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc chuyên ngành gần về Công nghệ thông tin, trong đó có ít nhất 01 nhân sự tốt nghiệp trên Đại học cùng chuyên ngành: 20 điểm;</li> <li>- Có ít hơn 02 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm</li> </ul> | 20 |
| 4.2.2 | <p><b>Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin/an toàn thông tin</b><br/> <u>Tài liệu chứng minh:</u><br/> Nhà thầu cung cấp một trong các tài liệu sau:<br/> (i) Bảng kê khai lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: Vị trí công việc; Số năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực yêu cầu<br/> (ii) Bản sao công chứng, chứng thực, cấp từ sổ gốc hoặc sao y bản chính của tổ chức ban hành văn bản theo quy định pháp luật: Hợp đồng/xác nhận của đối tác/ tài liệu khác về hợp đồng đã thực hiện có sự tham gia của nhân sự chủ chốt;<br/> (iii) Hợp đồng lao động (để chứng minh cho số năm kinh nghiệm);</p> | 30 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả 2 nhân sự đều trên 05 năm kinh nghiệm: 30 điểm;</li> <li>- Cả 2 nhân sự đều trên 02 năm kinh nghiệm và dưới 05 năm kinh nghiệm: 20 điểm</li> <li>- Có ít hơn 2 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm</li> </ul>  | 20 |

|       |  |    |  |    |
|-------|--|----|--|----|
|       | (iv) Các tài liệu khác tương tự (nếu có).  |    |  |    |
| 4.2.3 | <p><b>Kinh nghiệm tham gia dự án:</b> Hợp đồng tương tự là hợp đồng thực hiện dịch vụ đánh giá kiểm thử an ninh/an toàn thông tin và/hoặc kiểm thử xâm nhập ứng dụng/hệ thống và/hoặc dịch vụ Pentest ứng dụng/hệ thống cho tổ chức tài chính, ngân hàng tại Việt Nam.</p> <p><b>Tài liệu chứng minh:</b> Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau:</p> <p>+ Bảng kê khai lý lịch chuyên gia có xác nhận của nhà thầu đối với nội dung: (i) Vị trí công việc; (ii) Tổng số năm kinh nghiệm làm việc; (iii) Tổng số hợp đồng/dự án thực hiện dịch vụ đánh giá kiểm thử an ninh/an toàn thông tin và/hoặc kiểm thử xâm nhập ứng dụng/hệ thống và/hoặc dịch vụ Pentest ứng dụng/hệ thống cho tổ chức tài chính, ngân hàng tại Việt Nam,</p> <p>+ Bản sao được công chứng, chứng thực của văn bản Hợp đồng hoặc xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng/ dự án đã hoàn thành có sự tham gia của nhân sự chủ chốt</p> | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả 2 nhân sự đều có tối thiểu 1 hợp đồng tương tự, trong đó có ít nhất 1 nhân sự có từ 02 hợp đồng trở lên: 20 điểm;</li> <li>- Cả 2 nhân sự đều có 1 hợp đồng tương tự: 10 điểm;</li> <li>- Có ít hơn 2 nhân sự có hợp đồng tương tự: 0 điểm.</li> </ul> | 10 |
| 4.2.4 | <p><b>Có tối thiểu 01 trong các chứng chỉ sau: OSWE, OSED, OSEP, GPEN, GWAPT, GMOB, GXPN, HTB CPTS, HTB CWES, HTB CWEE, OSCP, LPT, ECSA, CompTIA Pentest+, BSCP.</b></p> <p><b>Tài liệu chứng minh:</b></p> <p>Nhà thầu cung cấp một trong các tài liệu sau:</p> <p>(i) Bản sao chứng chỉ của hãng</p> <p>(ii) Đường dẫn (link) chứng chỉ của hãng có tên nhân sự</p>  | 20 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả 2 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 20 điểm;</li> <li>- Có ít hơn 2 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm</li> </ul>  | 20 |
| 4.2.5 | Nhân sự có thể làm việc trực tiếp tại trụ sở của VCB (onsite) hoặc làm việc offsite. Mỗi nhân sự phải thực hiện onsite tại trụ sở VCB tối thiểu 10% tổng số manday (ngày công) của nhân sự đó  | 10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cả 2 nhân sự hỗ trợ đều đáp ứng yêu cầu: 10 điểm</li> <li>- Có ít hơn 2 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 0 điểm</li> </ul>  | 10 |
| 4.2.6 | Thời gian cam kết làm việc (onsite và offsite) của các nhân sự hỗ trợ (level 2) (01 ngày công tương đương với 8 giờ làm việc)  | 10 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng thời gian cam kết làm việc (onsite và offsite) của</li> </ul>  | 10 |

|          |  |              |  |            |
|----------|--|--------------|--|------------|
|          |  |              | các nhân sự hỗ trợ từ 78 ngày trở lên : 10 điểm<br>- Tổng thời gian cam kết làm việc (onsite và offsite) của các nhân sự hỗ trợ dưới 78 ngày: 0 điểm |            |
| <b>5</b> | <b>Yêu cầu về chuyên giao công nghệ:</b> Không yêu cầu |              |  |            |
|          | <b>Tổng cộng (100%)</b>                                | <b>1.000</b> |  | <b>780</b> |

*Ghi chú:*

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Chủ đầu tư, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với nhà thầu là tư vấn lập hồ sơ mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu còn thể hiện qua số lượng hồ sơ mời thầu bị kết luận có nội dung vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

Trường hợp E-HSMT có quy định về số năm kinh nghiệm trong các công việc tương tự thì số năm kinh nghiệm này được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng, giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, yêu cầu về chuyên giao công nghệ (nếu có) là 100%.

- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 4 của Bảng số 01 mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó (không thấp hơn 70% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật (80% đối với gói thầu tư vấn có yêu cầu kỹ thuật cao, đặc thù). E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó. E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

+ Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Điểm giá của E-HSDXTC đang xét;

+ G<sub>thấp nhất</sub>: Giá dự thầu sau sửa lỗi (nếu có), hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong

số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+  $G_{\text{đang xét}}$ : Giá dự thầu sau sửa lỗi (nếu có), hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

- Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = K \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + G \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá<sub>đang xét</sub>: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%;  $K (\%)=80$

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;  $G (\%)=20$

+  $K + G = 100\%$ ;

- Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

## CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Mẫu số 01

### HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU

#### 1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói

Mẫu số 01A

| STT | Mô tả công việc  | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|--|-------------|------------|
| 1   | Dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (penetration testing) các hệ thống public internet của VCB | Dịch vụ     | 1          |

#### 2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá: Không áp dụng

#### 3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian: Không áp dụng

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu số 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
**(thuộc E-HSDXKT)**

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [*điền tên Chủ đầu tư*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: \_\_\_\_, Mã số thuế: \_\_\_\_ cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ số E-TBMT: \_\_\_\_ theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDXKT: \_\_\_\_\_

Chúng tôi cam kết:

*[Nội dung cam kết theo webform trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia]*

**Ghi chú:**

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

**CAM KẾT CỦA NHÀ THẦU VỀ TÍNH HỢP LỆ**

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_, Mã số thuế: \_\_\_\_ cam kết E-HSDT đáp ứng toàn bộ yêu cầu về tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1, Chương III của E-HSMT.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH**

Ngày: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Gói thầu: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất:** \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

**Tên thành viên liên danh thứ hai:** \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

...

**Tên thành viên liên danh thứ n:** \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Mã số thuế: \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

### **Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*

- *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;*

- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công \_\_\_\_ [Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(2)</sup>:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

### 2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây <sup>(3)</sup>:

| <b>STT</b>       | <b>Tên</b>  | <b>Nội dung công việc đảm nhận</b>    | <b>Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu</b> |
|------------------|---|---------------------------------------|---|
| 1                | Tên thành viên đứng đầu liên danh<br>( <i>Hệ thống tự động trích xuất</i> ) | - ____<br>- ____                      | - ____%<br>- ____%                                      |
| 2                | Tên thành viên thứ 2  | - ____<br>- ____                      | - ____%<br>- ____%                                      |
| ....             | ....  | ....                                  | .....   |
| <b>Tổng cộng</b> |   | <b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b> | <b>100%</b>   |

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[xác nhận, chữ ký số]*

#### **Ghi chú:**

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

## CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

### A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

*[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].*

### B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng \_\_\_\_\_[Ghi số năm]<sup>1</sup> năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

---

<sup>1</sup> Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

| Thời gian | Tên công việc<br><i>[mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]</i> | Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc | Giá trị hợp đồng<br><i>[trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]</i> | Vai trò trong công việc<br><i>[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]</i> | Thời gian thực hiện gói thầu <i>[ghi rõ từ ngày... đến ngày...]</i> | Thời gian thực hiện gói thầu thực tế <i>[từ ngày... đến ngày...]</i><br>Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do |
|-----------|---|--|--|--|---|--|
|           |   |  |  |  |   |  |
|           |   |  |  |  |   |  |

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN  
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

*[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]*

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.
- 5.

## GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

1. Giải pháp và phương pháp luận
2. Kế hoạch công tác
3. Tổ chức và nhân sự

**Giải pháp và phương pháp luận.** [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

**Kế hoạch thực hiện.** [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của Chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

**Tổ chức và Nhân sự.** [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

**LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN**

Tên nhà thầu:

|                             |                                  |
|-----------------------------|----------------------------------|
| Tên và số của vị trí tư vấn | <i>[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]</i> |
| Tên chuyên gia tư vấn:      | <i>[điền tên đầy đủ]</i>         |
| Ngày sinh:                  | <i>[ngày/tháng/năm]</i>          |
| Quốc tịch                   |                                  |

**Trình độ học vấn:** [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

**Quá trình công tác phù hợp với công việc:** [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

| Thời gian<br>(từ...đến...) | Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu | Địa điểm làm việc | Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu |
|----------------------------|---|-------------------|---|
|----------------------------|---|-------------------|---|

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:**

---

**Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):**

---

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

**Người khai**

*[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]*

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn (nếu có) của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC**

| Stt      | Nội dung công việc <sup>(1)</sup>    | Tháng/ngày thứ <sup>(2)</sup> [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày] |   |   |   |   |       |   |      |
|----------|--------------------------------------|---|---|---|---|---|-------|---|------|
|          |                                      | 1   | 2 | 3 | 4 | 5 | ..... | n | Tổng |
| <b>1</b> | <b>[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:</b> |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          | 1) Thu thập dữ liệu                  |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          | 2) Soạn thảo báo cáo                 |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          | 3) Báo cáo sơ bộ                     |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          | 4) Tổng hợp ý kiến                   |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          | 5) ...                               |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          | 6) Báo cáo cuối cùng]                |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          |                                      |   |   |   |   |   |       |   |      |
| <b>2</b> | <b>[Hạng mục công việc 2]</b>        |   |   |   |   |   |       |   |      |
| ...      |                                      |   |   |   |   |   |       |   |      |
| <b>n</b> |                                      |   |   |   |   |   |       |   |      |
|          |                                      |   |   |   |   |   |       |   |      |

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

**DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

| Stt       | Tên                                 | Số định danh/CMTND/căn cước công dân/Hộ chiếu | Chức danh bố trí trong gói thầu                                 | Cách thức huy động  | Địa điểm làm việc | Số công [Chọn người /tháng hoặc người/ ngày] <sup>1</sup> |                      |                  | Tổng số tháng công/ngày công |
|-----------|-------------------------------------|---|---|---|-------------------|---|----------------------|------------------|------------------------------|
|           |                                     |   |   |   |                   | Hạng mục công việc 1                                      | Hạng mục công việc 2 | ... <sup>2</sup> |                              |
| <b>I</b>  | <b>Nhân sự chủ chốt<sup>3</sup></b> |   |   |   |                   |   |                      |                  |                              |
| 1         | Nguyễn Văn A                        |   | [Nhà thầu trích xuất theo vị trí nêu tại Bảng số 01 Chương III] | [Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê] | [Công ty]         |   |                      |                  | [Nhà thầu tính]              |
|           |                                     |   |   |   | [Thực địa]        |   |                      |                  | [Nhà thầu tính]              |
| 2         |                                     |   |   |   | [Công ty]         |   |                      |                  |                              |
|           |                                     |   |   |   | [Thực địa]        |   |                      |                  |                              |
|           | .....                               |   |   |   |                   |   |                      |                  |                              |
|           | Số công nhân sự chủ chốt            |   |   |   |                   |   |                      |                  |                              |
| <b>II</b> | <b>Nhân sự khác</b>                 |   |   |   |                   |   |                      |                  |                              |
| 1         |                                     |   | [Nhà thầu điền]   | Nhà thầu chọn một trong hai phương án: nhân sự của nhà thầu/Nhân sự đi thuê]  | [Công ty]         |   |                      |                  | [Nhà thầu tính]              |
|           |                                     |   |   |   | [Thực địa]        |   |                      |                  | [Nhà thầu tính]              |
| 2         | ....                                |   |   |   | [Công ty]         |   |                      |                  |                              |
|           |                                     |   |   |   | [Thực địa]        |   |                      |                  |                              |
|           | Số công nhân sự khác                |   |   |   |                   |   |                      |                  |                              |

**Ghi chú:**

- (1) Trường hợp Mục 14.3 **E-BDL** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-BDL**.
- (2) Hạng mục công việc được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 08 Chương IV.
- (3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương III.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ <sup>(1)</sup>**

| <b>STT</b> | <b>Tên nhà thầu phụ<sup>(2)</sup></b> | <b>Phạm vi công việc<sup>(3)</sup></b> | <b>Khối lượng công việc<sup>(4)</sup></b> | <b>Giá trị % ước tính<sup>(5)</sup></b> | <b>Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ<sup>(6)</sup></b> |
|------------|---------------------------------------|--|---|---|--|
| 1          |                                       |  |   |   |  |
| 2          |                                       |  |   |   |  |
| 3          |                                       |  |   |   |  |
| 4          |                                       |  |   |   |  |
| ...        |                                       |  |   |   |  |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy

động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_ [Điền tên Chủ đầu tư]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ số E-TBMT: \_\_\_\_ theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là \_\_\_\_ [Nhà thầu trích theo Tổng chi phí tại Mẫu số 15] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_\_ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [Nhà thầu tính] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: \_\_\_\_.

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

**BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (\*)**

| STT       | Họ và tên<br>(1)                     | Chức danh bố trí<br>trong gói thầu<br>(2) | Địa điểm làm việc<br>(3) | Số tháng (ngày) người<br>(5)         | Thù lao cho chuyên gia<br>(6) = (4) x (5) | Tổng<br>(7) |
|-----------|--------------------------------------|---|--------------------------|--------------------------------------|---|-------------|
| <b>I</b>  | <b>Nhân sự chủ chốt</b>              |   |                          |                                      |   |             |
| 1         | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09] | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09]      | Công ty                  | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09] | (a)                                       | (a)+(b)     |
|           |                                      |   | Thực địa                 | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09] | (b)                                       |             |
| 2         | .....                                |   | Công ty                  |                                      |   |             |
|           |                                      |   | Thực địa                 |                                      |   |             |
| <b>II</b> | <b>Nhân sự khác</b>                  |   |                          |                                      |   |             |
| 1         | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09] | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09]      | Công ty                  | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09] |   |             |
|           |                                      |   | Thực địa                 | [Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 09] |   |             |
| 2         | ....                                 |   | Công ty                  |                                      |   |             |
|           |                                      |   | Thực địa                 |                                      |   |             |
|           |                                      |   |                          |                                      | <b>Tổng cộng</b>                          | (A)         |

**Ghi chú:**

- (\*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Nhà thầu trích xuất từ Mẫu số 09 Chương này.
- (6) (7): Nhà thầu tính

**CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA**

| STT                 | Miêu tả                         | Đơn vị tính | Chi phí/đơn vị<br>(1) | Số lượng<br>(2)  | Chi phí<br>(3)   |
|---------------------|---------------------------------|-------------|-----------------------|--|------------------|
| 1                   | [Công tác phí]                  |             |                       | <i>[Nhà thầu tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]</i> | $(1) \times (2)$ |
| 2                   | [Tiền thuê nhà ở]               |             |                       |  |                  |
| 3                   | [Chi phí liên lạc]              |             |                       |  |                  |
| 4                   | [Thiết bị, tài liệu...]         |             |                       |  |                  |
| 5                   | [Chi phí đi lại trong nước]     |             |                       |  |                  |
| 6                   | [Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ] |             |                       |  |                  |
| 7                   | [...]                           |             |                       |  |                  |
| <b>Tổng chi phí</b> |                                 |             |                       |  | <b>(B)</b>       |

Cột (3): Nhà thầu tính

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC  
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

| STT              | Mô tả công việc  | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá<br>(bao gồm VAT) | Thành tiền<br>(bao gồm VAT) |
|------------------|--|-------------|------------|--------------------------|-----------------------------|
| (1)              | (2)  | (3)         | (4)        | (5)                      | (6) = (4) x (5)             |
| <b>I</b>         | <b>Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói</b>     |             |            |                          | <b>(M1)</b>                 |
| 1                |  |             |            |                          |                             |
| 2                |  |             |            |                          |                             |
| ...              |  |             |            |                          |                             |
| <b>II</b>        | <b>Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá</b> |             |            |                          | <b>(M2)</b>                 |
| 1                |  |             |            |                          |                             |
| 2                |  |             |            |                          |                             |
| ...              |  |             |            |                          |                             |
| <b>Tổng cộng</b> |  |             |            |                          | <b>M=(M1+M2)</b>            |

**Ghi chú:**

- (1) (2) (3) (4): Nhà thầu trích xuất từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.
- (6) Nhà thầu tính.

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ**

|   |              |
|---|--------------|
| <b>Chi phí lương của nhân sự tham gia (chi tiết tại mẫu 12)</b>               | <i>(A)</i>   |
| <b>Chi phí khác của nhân sự tham gia (bao gồm chi phí liệt kê tại mẫu 13)</b> | <i>(B)</i>   |
| <b>Tổng chi phí</b>   | <i>A + B</i> |

**Ghi chú:**

*Mục A, B: Nhà thầu trích xuất từ các Mẫu số 12, 13, 14*

*Tổng chi phí: Nhà thầu tính và trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.*

## PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

#### I. Giới thiệu:

**1. Tên dự án:** Thuê đơn vị độc lập thực hiện dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) các hệ thống public internet của VCB.

**2. Tên gói thầu:** Thuê đơn vị độc lập thực hiện dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) các hệ thống public internet của VCB.

**3. Mục tiêu đầu tư:** Phát hiện lỗ hổng bảo mật trên các hệ thống quan trọng của VCB. Từ đó đề xuất các biện pháp bảo mật phù hợp để loại trừ khả năng bị tấn công trong tương lai.

**4. Chủ đầu tư:** Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là Chủ đầu tư, do Tổng Giám đốc là người đại diện thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư.

**5. Nguồn vốn:** Chi phí hoạt động kinh doanh của VCB.

**6. Loại hợp đồng:** Trọn gói.

- **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 10 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:

+ Thời gian khảo sát và thực hiện đánh giá lần đầu với toàn bộ các hệ thống: 06 tháng.

+ Thời gian thực hiện tái đánh giá: 02 tháng.

+ Thời gian hoàn thành nghiệm thu/ thanh lý hợp đồng: 02 tháng kể từ ngày hoàn thành các hạng mục của hợp đồng.

#### II. Phạm vi công việc:

1. Phạm vi dịch vụ: Đánh giá an ninh cho các hệ thống sau đây:

| <b>STT</b> | <b>Tên hệ thống</b>  | <b>Cấp độ</b> |
|------------|--|---------------|
| 1          | ACS 3DSecure - xử lý giao dịch thẻ quốc tế                 | 3             |
| 2          | ATM Alert  | 2             |
| 3          | Báo cáo quản trị trên thiết bị di động                     | 2             |
| 4          | Chatbot  | 3             |
| 5          | Chương trình AVS   | 3             |
| 6          | CLOS - Hệ thống khởi tạo khoản vay cho khách hàng bán buôn | 3             |
| 7          | Contact Center   | 3             |
| 8          | DigiBank (thay thế Mobile Banking, bao gồm VCBPay)         | 3             |
| 9          | Digibiz  | 3             |
| 10         | Einvoice   | 3             |
| 11         | Email marketing  | 2             |
| 12         | E-receipt (SRS)  | 3             |
| 13         | Giải ngân trực tuyến cho khách hàng bán buôn               | 3             |
| 14         | Global Pay   | 3             |
| 15         | Hệ thống ECOM  | 3             |
| 16         | Hệ thống GLIMS   | 3             |
| 17         | Hệ thống VPN   | 3             |
| 18         | Home Delivery  | 3             |
| 19         | iFrame   | 3             |
| 20         | Internet Banking (khách hàng tổ chức)                      | 3             |
| 21         | Loyalty  | 3             |
| 22         | MegaApp  | 2             |

| <b>STT</b> | <b>Tên hệ thống</b>                     | <b>Cấp độ</b> |
|------------|---|---------------|
| 23         | Merchant Portal                         | 3             |
| 24         | MMS (Thanh toán QR)                     | 3             |
| 25         | NSNN - Ngân sách nhà nước (Tên cũ TTSP) | 3             |
| 26         | PCM<br>(VCB Cashup)                     | 3             |
| 27         | Quản lý nhân sự HCM                     | 2             |
| 28         | RLOS                                    | 3             |
| 29         | RMO - Rapid Merchant Onboarding         | 3             |
| 30         | SK106 (Đăng ký dịch vụ)                 | 3             |
| 31         | Soft POS                                | 3             |
| 32         | Tài liệu hợp HĐQT                       | 2             |
| 33         | TI Gateway                              | 3             |
| 34         | Trả góp thẻ                             | 3             |
| 35         | TTTM trực tuyến VCBCC                   | 3             |
| 36         | Tuyển dụng online                       | 3             |
| 37         | VCB Connect                             | 2             |
| 38         | VCB eKYC                                | 3             |
| 39         | VCB Website                             | 3             |

(\*) Danh sách hệ thống có thể thay đổi theo hiện trạng thực tế và yêu cầu của VCB nhưng không làm thay đổi số lượng hệ thống.

## **2. Yêu cầu dịch vụ:**

**2.1. Thời gian thực hiện dịch vụ:** 08 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó:

- Thời gian khảo sát và thực hiện đánh giá lần đầu với toàn bộ các hệ thống: 06 tháng.

- Thời gian thực hiện tái đánh giá: 02 tháng.

## **2.2. Yêu cầu về Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá:**

- Hoạt động đánh giá bảo mật cần được thực hiện dựa trên tiêu chuẩn Open Web Application Security Project (OWASP), Penetration Testing Execution Standard (PTES), National Institute of Standards and Technology (NIST).
- Hình thức tiếp cận: Gray-box (đơn vị thực hiện đánh giá sẽ đứng dưới vai trò là người dùng cuối, được cung cấp tài liệu, tài khoản và các dữ liệu cần thiết) hoặc Black-box (đơn vị thực hiện đánh giá được cung cấp thông tin tối thiểu như URL hoặc IP của hệ thống).
- Đơn vị đánh giá cần đề xuất thực hiện việc đánh giá bảo mật chi tiết đối với các hệ thống trong phạm vi thực hiện theo đúng quy trình tuân theo các chuẩn đánh giá nêu trên, đồng thời nêu rõ tiêu chuẩn áp dụng.

## **2.3. Yêu cầu về giải pháp và phương pháp luận:**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ, bao gồm:

- Giải pháp và phương pháp luận: Nhà thầu trình bày phương pháp luận chi tiết đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho các dịch vụ cung cấp (Không chấp nhận việc sao chép toàn bộ nội dung của yêu cầu kỹ thuật để làm phương pháp luận chi tiết);
- Kế hoạch triển khai chi tiết;

## **2.4. Yêu cầu thực hiện đánh giá tối thiểu:**

a. Các bước thực hiện dịch vụ đối với mỗi hệ thống:

- Khảo sát hệ thống;
- Mô hình hóa các mối đe dọa
- Thực hiện đánh giá, kiểm thử xâm nhập (Penetration Testing) hệ thống;
- Thực hiện tái đánh giá sau khi các vấn đề/lỗ hổng đã được khắc phục theo yêu cầu của VCB.

b. Đối với Web Application

- Kiểm tra lỗi về kiểm soát truy cập
- Kiểm tra lỗi về mã hóa

- Kiểm tra lỗi về Injection
- Kiểm tra lỗi thiết kế không an toàn
- Kiểm tra lỗi cấu hình không an toàn
- Kiểm tra các thành phần chứa lỗ hổng đã biết
- Kiểm tra lỗi về định danh và xác thực
- Kiểm tra lỗi về tính toàn vẹn của phần mềm và dữ liệu
- Kiểm tra lỗi về ghi nhật ký và giám sát
- Kiểm tra lỗi Server Side Request Forgery (SSRF)
- Kiểm tra logic nghiệp vụ, kiểm tra xử lý phía người dùng.

c. Đối với Mobile Application

- Kiểm tra lỗi sử dụng thông tin xác thực không đúng cách
- Kiểm tra lỗi liên quan tới chuỗi cung ứng
- Kiểm tra lỗi xác thực, phân quyền
- Kiểm tra lỗi kiểm soát dữ liệu đầu vào/đầu ra
- Kiểm tra lỗi truyền tải dữ liệu
- Kiểm tra lỗi kiểm soát quyền riêng tư
- Kiểm tra lỗi về Binary Protection
- Kiểm tra lỗi cấu hình không an toàn
- Kiểm tra lỗi lưu trữ dữ liệu không an toàn
- Kiểm tra lỗi về mã hóa
- Kiểm tra logic nghiệp vụ, chống dịch ngược.

d. Đối với API và TCP-based Service

- Kiểm tra lỗi phân quyền đối tượng

- Kiểm tra lỗi xác thực
- Kiểm tra lỗi phân quyền thuộc tính đối tượng
- Kiểm tra lỗi kiểm soát sử dụng tài nguyên
- Kiểm tra lỗi phân quyền chức năng
- Kiểm tra lỗi truy cập vào luồng nghiệp vụ nhạy cảm
- Kiểm tra lỗi Server Side Request Forgery (SSRF)
- Kiểm tra lỗi cấu hình không an toàn
- Kiểm tra lỗi quản lý tài nguyên
- Kiểm tra lỗi sử dụng API không an toàn
- Kiểm tra logic nghiệp vụ.

## **2.5. Yêu cầu về kết quả:**

- Kết thúc quá trình đánh giá an ninh, đơn vị đánh giá phải cung cấp Báo cáo chi tiết về các vấn đề/lỗ hổng phát hiện được, bao gồm đầy đủ các nội dung:
  - + Quy trình, tiêu chuẩn, và checklist đánh giá
  - + Mô tả về lỗ hổng, điều kiện để khai thác lỗ hổng
  - + Các bước thực hiện để khai thác lỗ hổng. Nội dung cần phải chi tiết để có thể dễ dàng tái hiện lại được.
  - + Đánh giá tác động và mức độ ảnh hưởng của lỗ hổng đến hoạt động kinh doanh, Tham chiếu đến các tiêu chuẩn (CWE/CVSS Score/OWASP)
  - + Đề xuất mức độ nghiêm trọng của lỗ hổng
  - + Đưa ra khuyến nghị, hướng dẫn khắc phục lỗ hổng
  - + Có hình ảnh, video ghi lại quá trình thực hiện, khai thác lỗ hổng trong trường hợp được yêu cầu để phục vụ cho việc khắc phục lỗ hổng

- Trong quá trình đánh giá, nếu phát hiện các lỗi hỏng ở mức độ nghiêm trọng cần thông báo ngay tới đầu mối của VCB. Đơn vị đánh giá phải onsite hỗ trợ trực tiếp việc khắc phục lỗi hỏng trong vòng 48 tiếng kể từ khi được yêu cầu từ VCB.
- Đơn vị đánh giá phải thực hiện tái đánh giá sau khi các vấn đề/lỗi hỏng đã được khắc phục (nếu có). VCB sẽ gửi danh sách các hệ thống cần thực hiện tái đánh giá muộn nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn thực hiện dịch vụ.

### **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

Theo quy định tại Mục II nêu trên.

### **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

Quy định tại Chương III, E-HSMT.

### **V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:**

- VCB có trách nhiệm cử cán bộ hỗ trợ và cung cấp những tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn;
- VCB có trách nhiệm phối hợp thường xuyên nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.

**PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG**  
**Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG**

|                      |   |
|----------------------|---|
| <b>1. Định nghĩa</b> | <p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</li><li>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</li><li>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</li><li>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</li><li>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</li><li>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</li><li>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</li><li>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu;</li><li>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</li><li>1.10. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</li><li>1.11. “Ngày hợp đồng có hiệu lực” là ngày được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</li><li>1.12. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV;</li><li>1.13 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</li></ol> |
|----------------------|---|

|   |   |
|---|---|
| <p><b>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</b></p> | <p>2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</li> <li>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>c) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</li> <li>d) E-ĐKC của hợp đồng;</li> <li>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</li> <li>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);</li> <li>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</li> <li>i) Các tài liệu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Văn bản hợp đồng;</li> <li>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</li> <li>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</li> <li>d) Tài liệu khác (nếu có).</li> </ul> |
| <p><b>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</b></p> | <p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam.</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>   |

|   |  |
|---|--|
| <p><b>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b></p> | <p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại <b>E-ĐKCT</b>. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;</li> <li>b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;</li> <li>c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;</li> <li>d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.</li> </ol> <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p> |
|---|--|

|                                |  |
|--------------------------------|--|
| <p><b>5. Bản quyền</b></p>     | <p>5.1. Trừ trường hợp E-ĐKCT có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho Chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, Nhà thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.</p> |
| <p><b>6. Bảo hiểm</b></p>      | <p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>  |
| <p><b>7. Loại hợp đồng</b></p> | <p>Loại hợp đồng: được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>   |
| <p><b>8. Giá hợp đồng</b></p>  | <p>Giá hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b> là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.</p>   |
| <p><b>9. Thuế, phí</b></p>     | <p>Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.</p>   |
| <p><b>10. Tạm ứng và</b></p>   | <p>Việc tạm ứng và thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>   |

|  |  |
|--|--|
| <b>thanh toán</b>                        |  |
| <b>11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ</b> | Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .   |
| <b>12. Thời gian thực hiện hợp đồng</b>  | Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .  |
| <b>13. Sửa đổi hợp đồng</b>              | <p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</li> <li>b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</li> <li>c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư;</li> <li>d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</li> <li>đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu;</li> <li>e) Các trường hợp khác theo quy định của <b>E-ĐKCT</b></li> </ul> <p>Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.</p> |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p>  |
| <p><b>14. Nhân sự</b></p>                        | <p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p> |
| <p><b>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</b></p> | <p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</li> <li>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</li> <li>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</li> <li>d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này.</li> </ul> <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</li> <li>b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</li> </ul>   |

|                                |   |
|--------------------------------|---|
|                                | <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p>  |
| <p><b>16. Nhà thầu phụ</b></p> | <p>16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> |

|   |   |
|---|---|
| <b>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</b>       | Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .   |
| <b>18. Tạm dừng hợp đồng</b>                          | <p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p> |
| <b>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</b> | <p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện</p>   |

|  |  |
|--|--|
|  | phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.  |
| <b>20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư</b> | Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .  |
| <b>21. Trường hợp bất khả kháng</b>                | <p>21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p> <p>21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:</p> |

|   |  |
|---|--|
|   | <p>(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc</p> <p>(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.</p> <p>21.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)</p> <p>a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.</p> <p>b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.</li> <li>- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.</li> </ul> |
| <p><b>22. Giải quyết tranh chấp</b></p> | <p>22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong <b>E-ĐKCT</b>.</p>   |
| <p><b>23. Thông báo</b></p>             | <p>23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>   |

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

|                      |   |
|----------------------|---|
| <b>E-ĐKC 1.1</b>     | Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam<br><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)].</i>                                 |
| <b>E-ĐKC 1.3</b>     | Nhà thầu: _____<br><i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>   |
| <b>E-ĐKC 1.10</b>    | Địa điểm dự án: Tại Trụ sở chính VCB hoặc theo yêu cầu của VCB  |
| <b>E-ĐKC 1.11</b>    | Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____<br><i>[Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng... ]</i>   |
| <b>E-ĐKC 2.2 (i)</b> | Các tài liệu khác:<br><i>[Ghi các tài liệu khác, nếu có]</i>  |
| <b>E-ĐKC 4.1</b>     | Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: không áp dụng  |
| <b>E-ĐKC 5.1</b>     | Các trường hợp khác: không áp dụng  |
| <b>E-ĐKC 7</b>       | Loại hợp đồng: Trọn gói.  |
| <b>E-ĐKC 8</b>       | Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.<br>giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.                |
| <b>E-ĐKC 10</b>      | 10.1. Tạm ứng: không áp dụng<br>10.2. Thanh toán<br>Phương thức thanh toán: Thanh toán chuyển khoản với các thông tin được quy định tại điều khoản chi tiết hợp đồng của E-HSMT.<br>Đồng tiền thanh toán: VND |

|                       |  |
|-----------------------|--|
|                       | Số lần thanh toán: Thanh toán 100% giá trị của hạng mục “Dịch vụ đánh giá, kiểm thử xâm nhập (penetration testing) các hệ thống public internet của VCB” sau khi ký nghiệm thu dịch vụ và cung cấp đầy đủ hồ sơ theo quy định của hợp đồng.<br>Thời hạn thanh toán: Quy định tại bước thương thảo hợp đồng   |
| <b>E-ĐKC 11</b>       | Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: không áp dụng.  |
| <b>E-ĐKC 12</b>       | Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 tháng   |
| <b>E-ĐKC 13.1</b>     | Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 3 ngày   |
| <b>E-ĐKC 13.2 (e)</b> | Các trường hợp khác: _____ [ <i>ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật</i> ].   |
| <b>E-ĐKC 14.2</b>     | Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 3 ngày (Kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư).   |
| <b>E-ĐKC 16.1</b>     | Danh sách nhà thầu phụ : không áp dụng.  |
| <b>E-ĐKC 16.2</b>     | Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.  |
| <b>E-ĐKC 16.4</b>     | Yêu cầu khác về nhà thầu phụ :.  |
| <b>E-ĐKC 17</b>       | 1. Phạt vi phạm hợp đồng :Áp dụng.<br><i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i><br>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0.1% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.<br>Tổng số tiền phạt không vượt quá : 252.869.544 đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.<br>b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. |

|                   |   |
|-------------------|---|
|                   | <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p>  |
| <b>E-ĐKC 19.1</b> | <p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Quy định tại bước thương thảo hợp đồng.</p> <p><i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi nhà thầu vi phạm thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. Ví dụ: nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương].</i></p>  |
| <b>E-ĐKC 20</b>   | Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: không áp dụng  |
| <b>E-ĐKC 22.2</b> | Giải quyết tranh chấp: Các bên thống nhất lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi Vietcombank đặt trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Mọi chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện phải chịu.   |
| <b>E-ĐKC 23.1</b> | <p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM, 198 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội<br/> Điện thoại: 02439343137<br/> Fax: _____<br/> E-mail: _____</p> <p>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____<br/> Điện thoại: _____<br/> Fax: _____<br/> E-mail: _____</p> |

## CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

*Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.*

*Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.*

*Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong **E-ĐKCT** cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

**HỢP ĐỒNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

- Các căn cứ khác (nếu có).

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

*Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:*

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_;

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu” kèm theo.

## **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. E-ĐKC của hợp đồng;
6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
7. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;
8. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu (nếu có);
9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

## **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà \_\_\_\_\_ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

## **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

## **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

### 1. Hợp đồng trọn gói<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng: *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*

Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

*[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].*

### 2. Hợp đồng theo đơn giá cố định<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- *Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);*

- *Giá trị thuế*

- *Dự phòng.*

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

\_\_\_\_\_ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

### 3. Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí .

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

### 4. Hợp đồng theo thời gian<sup>(3)</sup>

a) Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ (lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại) như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là \_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán] cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn<sup>(4)</sup> dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

b) Thời hạn thanh toán:

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

\_\_\_\_\_ [Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán \_\_\_\_\_ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

5. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_\_ [Điền phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 10.2 E-ĐKCT].

## **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: [Điền loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_\_ [thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 9 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

## **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ**

**Ghi chú:**

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.*
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*
- (3) Lựa chọn bảo đảm phù hợp với Mục 7 E-ĐKCT của hợp đồng*
- (4) Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.*

## PHỤ LỤC

- Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu
- Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu
- Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên của Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ [*ghi tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [*ghi tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là \_\_\_\_\_ [*ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: \_\_\_\_ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng thực hiện qua Hệ thống.

*Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:*

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_\_tháng\_\_\_năm\_\_\_ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

**Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

*Ghi chú:*

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do \_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

*[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu;*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng;*

*- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [*ghi tên nhà thầu*]. \_\_\_\_ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức  
danh, ký tên và đóng dấu]*

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.